



CÔNG TY CỔ PHẦN 2DE VIỆT NAM

Trụ sở: Số 6, Đường Đặc 7 Nội, Cụm 8, Xã Liên Minh, TP. Hà Nội

Nhà máy 1: Số 54, Đường Yên Bình, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Nhà máy 2: KM 16 + 390 Đại lộ Thăng Long, Xã Quốc Oai, TP. Hà Nội

Hotline: 0926.33.83.86

Website: <https://2de.com.vn/>



BẢNG GIÁ MÁNG CÁP INOX 304 KHÔNG SƠN

(Áp dụng từ ngày 01/01/2026)

1, Bảng giá máng cáp Inox 304 không sơn chưa bao gồm vận chuyển, chưa bao gồm VAT.

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
					MÁNG CÁP			
					ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM			
					1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
I	MÁNG CÁP 50X50							
1	Máng cáp	50	50	Mét	205,000	242,700	299,200	393,500
2	Nắp máng cáp	50	50	Mét	80,700	95,500	117,700	154,700
3	Ngã ba T máng cáp	50	50	Cái	245,900	291,200	359,100	472,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	50	50	Cái	96,800	114,600	141,200	185,600
5	Chữ thập X máng cáp	50	50	Cái	307,400	364,000	448,800	590,300
6	Nắp chữ thập X máng cáp	50	50	Cái	121,000	143,200	176,500	232,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	50	50	Cái	225,500	266,900	329,100	432,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	50	50	Cái	88,700	105,000	129,400	170,100
II	MÁNG CÁP 60X40							
1	Máng cáp	60	40	Mét	193,600	229,200	282,600	371,700
2	Nắp máng cáp	60	40	Mét	91,800	108,700	134,000	176,100
3	Ngã ba T máng cáp	60	40	Cái	232,300	275,000	339,100	446,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	60	40	Cái	110,200	130,400	160,800	211,400
5	Chữ thập X máng cáp	60	40	Cái	290,300	343,700	423,900	557,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	60	40	Cái	137,700	163,000	201,000	264,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	60	40	Cái	212,900	252,100	310,900	408,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	60	40	Cái	101,000	119,600	147,400	193,700
III	MÁNG CÁP 75X50							
1	Máng cáp	75	50	Mét	233,400	276,400	340,800	448,200
2	Nắp máng cáp	75	50	Mét	108,600	128,500	158,500	208,300
3	Ngã ba T máng cáp	75	50	Cái	280,100	331,600	408,900	537,800
4	Nắp ngã ba T máng cáp	75	50	Cái	130,300	154,200	190,100	250,000
5	Chữ thập X máng cáp	75	50	Cái	350,100	414,500	511,200	672,300
6	Nắp chữ thập X máng cáp	75	50	Cái	162,900	192,800	237,700	312,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	75	50	Cái	256,800	304,000	374,900	493,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	75	50	Cái	119,500	141,400	174,300	229,100
IV	MÁNG CÁP 100X50							
1	Máng cáp	100	50	Mét	261,900	310,100	382,300	502,800
2	Nắp máng cáp	100	50	Mét	136,500	161,600	199,200	262,000
3	Ngã ba T máng cáp	100	50	Cái	314,200	372,100	458,800	603,400

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	50	Cái	163,800	193,900	239,100	314,300
5	Chữ thập X máng cáp	100	50	Cái	392,800	465,100	573,500	754,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	50	Cái	204,800	242,400	298,800	392,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	50	Cái	288,100	341,100	420,600	553,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	50	Cái	150,200	177,800	219,200	288,100
V	MÁNG CÁP 100X75							
1	Máng cáp	100	75	Mét	318,800	377,400	465,400	612,100
2	Nắp máng cáp	100	75	Mét	136,500	161,600	199,200	262,000
3	Ngã ba T máng cáp	100	75	Cái	382,500	452,900	558,500	734,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	75	Cái	163,800	193,900	239,100	314,300
5	Chữ thập X máng cáp	100	75	Cái	478,200	566,100	698,100	918,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	75	Cái	204,800	242,400	298,800	392,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	75	Cái	350,700	415,200	512,000	673,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	75	Cái	150,200	177,800	219,200	288,100
VI	MÁNG CÁP 100X100							
1	Máng cáp	100	100	Mét	375,700	444,800	548,500	721,500
2	Nắp máng cáp	100	100	Mét	136,500	161,600	199,200	262,000
3	Ngã ba T máng cáp	100	100	Cái	450,900	533,800	658,200	865,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	100	100	Cái	163,800	193,900	239,100	314,300
5	Chữ thập X máng cáp	100	100	Cái	563,600	667,200	822,800	1,082,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	100	100	Cái	204,800	242,400	298,800	392,900
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	100	100	Cái	413,300	489,300	603,400	793,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	100	100	Cái	150,200	177,800	219,200	288,100
VII	MÁNG CÁP 150X50							
1	Máng cáp	150	50	Mét	318,800	377,400	465,400	612,100
2	Nắp máng cáp	150	50	Mét	192,400	227,800	280,800	369,200
3	Ngã ba T máng cáp	150	50	Cái	382,500	452,900	558,500	734,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	50	Cái	230,900	273,300	337,000	443,100
5	Chữ thập X máng cáp	150	50	Cái	478,200	566,100	698,100	918,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	50	Cái	288,600	341,600	421,200	553,800
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	50	Cái	350,700	415,200	512,000	673,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	50	Cái	211,700	250,500	308,900	406,100
VIII	MÁNG CÁP 150X75							
1	Máng cáp	150	75	Mét	375,700	444,800	548,500	721,500
2	Nắp máng cáp	150	75	Mét	192,400	227,800	280,800	369,200
3	Ngã ba T máng cáp	150	75	Cái	450,900	533,800	658,200	865,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	75	Cái	230,900	273,300	337,000	443,100
5	Chữ thập X máng cáp	150	75	Cái	563,600	667,200	822,800	1,082,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	75	Cái	288,600	341,600	421,200	553,800

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	75	Cái	413,300	489,300	603,400	793,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	75	Cái	211,700	250,500	308,900	406,100
IX	MÁNG CÁP 150X100							
1	Máng cáp	150	100	Mét	432,600	512,200	631,700	830,800
2	Nắp máng cáp	150	100	Mét	192,400	227,800	280,800	369,200
3	Ngã ba T máng cáp	150	100	Cái	519,200	614,700	758,000	996,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	150	100	Cái	230,900	273,300	337,000	443,100
5	Chữ thập X máng cáp	150	100	Cái	648,900	768,300	947,500	1,246,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	150	100	Cái	288,600	341,600	421,200	553,800
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	150	100	Cái	475,900	563,400	694,800	913,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	150	100	Cái	211,700	250,500	308,900	406,100
X	MÁNG CÁP 200X50							
1	Máng cáp	200	50	Mét	375,700	444,800	548,500	721,500
2	Nắp máng cáp	200	50	Mét	248,300	293,900	362,400	476,500
3	Ngã ba T máng cáp	200	50	Cái	450,900	533,800	658,200	865,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	50	Cái	297,900	352,700	434,800	571,800
5	Chữ thập X máng cáp	200	50	Cái	563,600	667,200	822,800	1,082,200
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	50	Cái	372,400	440,800	543,500	714,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	50	Cái	413,300	489,300	603,400	793,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	50	Cái	273,100	323,300	398,600	524,100
XI	MÁNG CÁP 200X75							
1	Máng cáp	200	75	Mét	432,600	512,200	631,700	830,800
2	Nắp máng cáp	200	75	Mét	248,300	293,900	362,400	476,500
3	Ngã ba T máng cáp	200	75	Cái	519,200	614,700	758,000	996,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	75	Cái	297,900	352,700	434,800	571,800
5	Chữ thập X máng cáp	200	75	Cái	648,900	768,300	947,500	1,246,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	75	Cái	372,400	440,800	543,500	714,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	75	Cái	475,900	563,400	694,800	913,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	75	Cái	273,100	323,300	398,600	524,100
XII	MÁNG CÁP 200X100							
1	Máng cáp	200	100	Mét	489,600	579,600	714,800	940,100
2	Nắp máng cáp	200	100	Mét	248,300	293,900	362,400	476,500
3	Ngã ba T máng cáp	200	100	Cái	587,500	695,500	857,700	1,128,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	200	100	Cái	297,900	352,700	434,800	571,800
5	Chữ thập X máng cáp	200	100	Cái	734,300	869,400	1,072,100	1,410,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	200	100	Cái	372,400	440,800	543,500	714,700
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	200	100	Cái	538,500	637,600	786,200	1,034,100

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MĂNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	200	100	Cái	273,100	323,300	398,600	524,100
XIII	MĂNG CÁP 250X50							
1	Máng cáp	250	50	Mét	432,600	512,200	631,700	830,800
2	Nắp máng cáp	250	50	Mét	304,200	360,100	443,900	583,800
3	Ngã ba T máng cáp	250	50	Cái	519,200	614,700	758,000	996,900
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	50	Cái	365,000	432,100	532,700	700,500
5	Chữ thập X máng cáp	250	50	Cái	648,900	768,300	947,500	1,246,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	50	Cái	456,200	540,100	665,900	875,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	50	Cái	475,900	563,400	694,800	913,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	50	Cái	334,600	396,100	488,300	642,100
XIV	MĂNG CÁP 250X75							
1	Máng cáp	250	75	Mét	489,600	579,600	714,800	940,100
2	Nắp máng cáp	250	75	Mét	304,200	360,100	443,900	583,800
3	Ngã ba T máng cáp	250	75	Cái	587,500	695,500	857,700	1,128,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	75	Cái	365,000	432,100	532,700	700,500
5	Chữ thập X máng cáp	250	75	Cái	734,300	869,400	1,072,100	1,410,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	75	Cái	456,200	540,100	665,900	875,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	75	Cái	538,500	637,600	786,200	1,034,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	75	Cái	334,600	396,100	488,300	642,100
XV	MĂNG CÁP 250X100							
1	Máng cáp	250	100	Mét	546,500	647,000	797,900	1,049,400
2	Nắp máng cáp	250	100	Mét	304,200	360,100	443,900	583,800
3	Ngã ba T máng cáp	250	100	Cái	655,800	776,400	957,400	1,259,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	250	100	Cái	365,000	432,100	532,700	700,500
5	Chữ thập X máng cáp	250	100	Cái	819,700	970,500	1,196,800	1,574,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	250	100	Cái	456,200	540,100	665,900	875,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	250	100	Cái	601,100	711,700	877,600	1,154,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	250	100	Cái	334,600	396,100	488,300	642,100
XVI	MĂNG CÁP 300X50							
1	Máng cáp	300	50	Mét	489,600	579,600	714,800	940,100
2	Nắp máng cáp	300	50	Mét	360,000	426,200	525,500	691,000
3	Ngã ba T máng cáp	300	50	Cái	587,500	695,500	857,700	1,128,100
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	50	Cái	432,000	511,400	630,600	829,200
5	Chữ thập X máng cáp	300	50	Cái	734,300	869,400	1,072,100	1,410,100
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	50	Cái	540,000	639,300	788,200	1,036,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	50	Cái	538,500	637,600	786,200	1,034,100
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	50	Cái	396,000	468,800	578,100	760,100

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
XVII	MÁNG CÁP 300X75							
1	Máng cáp	300	75	Mét	546,500	647,000	797,900	1,049,400
2	Nắp máng cáp	300	75	Mét	360,000	426,200	525,500	691,000
3	Ngã ba T máng cáp	300	75	Cái	655,800	776,400	957,400	1,259,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	75	Cái	432,000	511,400	630,600	829,200
5	Chữ thập X máng cáp	300	75	Cái	819,700	970,500	1,196,800	1,574,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	75	Cái	540,000	639,300	788,200	1,036,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	75	Cái	601,100	711,700	877,600	1,154,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	75	Cái	396,000	468,800	578,100	760,100
XVIII	MÁNG CÁP 300X100							
1	Máng cáp	300	100	Mét	603,400	714,400	881,000	1,158,700
2	Nắp máng cáp	300	100	Mét	360,000	426,200	525,500	691,000
3	Ngã ba T máng cáp	300	100	Cái	724,100	857,300	1,057,200	1,390,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	300	100	Cái	432,000	511,400	630,600	829,200
5	Chữ thập X máng cáp	300	100	Cái	905,100	1,071,600	1,321,400	1,738,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	300	100	Cái	540,000	639,300	788,200	1,036,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	300	100	Cái	663,700	785,800	969,100	1,274,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	300	100	Cái	396,000	468,800	578,100	760,100
XIX	MÁNG CÁP 350X50							
1	Máng cáp	350	50	Mét	546,500	647,000	797,900	1,049,400
2	Nắp máng cáp	350	50	Mét	415,900	492,400	607,100	798,300
3	Ngã ba T máng cáp	350	50	Cái	655,800	776,400	957,400	1,259,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	50	Cái	499,100	590,800	728,500	958,000
5	Chữ thập X máng cáp	350	50	Cái	819,700	970,500	1,196,800	1,574,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	50	Cái	623,800	738,500	910,600	1,197,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	50	Cái	601,100	711,700	877,600	1,154,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	50	Cái	457,500	541,600	667,800	878,100
XX	MÁNG CÁP 350X75							
1	Máng cáp	350	75	Mét	603,400	714,400	881,000	1,158,700
2	Nắp máng cáp	350	75	Mét	415,900	492,400	607,100	798,300
3	Ngã ba T máng cáp	350	75	Cái	724,100	857,300	1,057,200	1,390,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	75	Cái	499,100	590,800	728,500	958,000
5	Chữ thập X máng cáp	350	75	Cái	905,100	1,071,600	1,321,400	1,738,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	75	Cái	623,800	738,500	910,600	1,197,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	75	Cái	663,700	785,800	969,100	1,274,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	75	Cái	457,500	541,600	667,800	878,100
XXI	MÁNG CÁP 350X100							
1	Máng cáp	350	100	Mét	660,300	781,800	964,100	1,268,000
2	Nắp máng cáp	350	100	Mét	415,900	492,400	607,100	798,300

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
3	Ngã ba T máng cáp	350	100	Cái	792,400	938,100	1,156,900	1,521,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	350	100	Cái	499,100	590,800	728,500	958,000
5	Chữ thập X máng cáp	350	100	Cái	990,500	1,172,700	1,446,100	1,901,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	350	100	Cái	623,800	738,500	910,600	1,197,500
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	350	100	Cái	726,300	860,000	1,060,500	1,394,800
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	350	100	Cái	457,500	541,600	667,800	878,100
XXII	MÁNG CÁP 400X50							
1	Máng cáp	400	50	Mét	603,400	714,400	881,000	1,158,700
2	Nắp máng cáp	400	50	Mét	471,800	558,500	688,600	905,600
3	Ngã ba T máng cáp	400	50	Cái	724,100	857,300	1,057,200	1,390,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	50	Cái	566,100	670,200	826,400	1,086,700
5	Chữ thập X máng cáp	400	50	Cái	905,100	1,071,600	1,321,400	1,738,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	50	Cái	707,600	837,700	1,032,900	1,358,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	50	Cái	663,700	785,800	969,100	1,274,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	50	Cái	519,000	614,300	757,500	996,100
XXIII	MÁNG CÁP 400X100							
1	Máng cáp	400	100	Mét	717,200	849,200	1,047,200	1,377,300
2	Nắp máng cáp	400	100	Mét	471,800	558,500	688,600	905,600
3	Ngã ba T máng cáp	400	100	Cái	860,700	1,019,000	1,256,600	1,652,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	100	Cái	566,100	670,200	826,400	1,086,700
5	Chữ thập X máng cáp	400	100	Cái	1,075,800	1,273,800	1,570,800	2,065,900
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	100	Cái	707,600	837,700	1,032,900	1,358,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	100	Cái	789,000	934,100	1,151,900	1,515,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	100	Cái	519,000	614,300	757,500	996,100
XXIV	MÁNG CÁP 400X150							
1	Máng cáp	400	150	Mét	831,100	984,000	1,213,400	1,595,900
2	Nắp máng cáp	400	150	Mét	471,800	558,500	688,600	905,600
3	Ngã ba T máng cáp	400	150	Cái	997,300	1,180,800	1,456,100	1,915,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	400	150	Cái	566,100	670,200	826,400	1,086,700
5	Chữ thập X máng cáp	400	150	Cái	1,246,600	1,475,900	1,820,100	2,393,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	400	150	Cái	707,600	837,700	1,032,900	1,358,400
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	400	150	Cái	914,200	1,082,400	1,334,700	1,755,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	400	150	Cái	519,000	614,300	757,500	996,100
XXV	MÁNG CÁP 500X50							
1	Máng cáp	500	50	Mét	717,200	849,200	1,047,200	1,377,300
2	Nắp máng cáp	500	50	Mét	583,500	690,800	851,800	1,120,100
3	Ngã ba T máng cáp	500	50	Cái	860,700	1,019,000	1,256,600	1,652,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	50	Cái	700,200	828,900	1,022,100	1,344,200
5	Chữ thập X máng cáp	500	50	Cái	1,075,800	1,273,800	1,570,800	2,065,900

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	50	Cái	875,300	1,036,200	1,277,600	1,680,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	50	Cái	789,000	934,100	1,151,900	1,515,000
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	50	Cái	641,900	759,900	936,900	1,232,100
XXVI	MÁNG CÁP 500X100							
1	Máng cáp	500	100	Mét	831,100	984,000	1,213,400	1,595,900
2	Nắp máng cáp	500	100	Mét	583,500	690,800	851,800	1,120,100
3	Ngã ba T máng cáp	500	100	Cái	997,300	1,180,800	1,456,100	1,915,000
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	100	Cái	700,200	828,900	1,022,100	1,344,200
5	Chữ thập X máng cáp	500	100	Cái	1,246,600	1,475,900	1,820,100	2,393,800
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	100	Cái	875,300	1,036,200	1,277,600	1,680,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	100	Cái	914,200	1,082,400	1,334,700	1,755,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	100	Cái	641,900	759,900	936,900	1,232,100
XXVII	MÁNG CÁP 500X150							
1	Máng cáp	500	150	Mét	944,900	1,118,800	1,379,600	1,814,500
2	Nắp máng cáp	500	150	Mét	583,500	690,800	851,800	1,120,100
3	Ngã ba T máng cáp	500	150	Cái	1,133,900	1,342,500	1,655,500	2,177,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	500	150	Cái	700,200	828,900	1,022,100	1,344,200
5	Chữ thập X máng cáp	500	150	Cái	1,417,300	1,678,100	2,069,400	2,721,700
6	Nắp chữ thập X máng cáp	500	150	Cái	875,300	1,036,200	1,277,600	1,680,200
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	500	150	Cái	1,039,400	1,230,600	1,517,600	1,995,900
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	500	150	Cái	641,900	759,900	936,900	1,232,100
XXVIII	MÁNG CÁP 600X100							
1	Máng cáp	600	100	Mét	944,900	1,118,800	1,379,600	1,814,500
2	Nắp máng cáp	600	100	Mét	695,300	823,100	1,014,900	1,334,700
3	Ngã ba T máng cáp	600	100	Cái	1,417,300	1,678,100	2,069,400	2,721,700
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	100	Cái	1,042,900	1,234,600	1,522,300	2,002,000
5	Chữ thập X máng cáp	600	100	Cái	1,700,800	2,013,700	2,483,300	3,266,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	100	Cái	1,042,900	1,234,600	1,522,300	2,002,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	100	Cái	1,322,900	1,566,200	1,931,400	2,540,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	100	Cái	764,800	905,400	1,116,400	1,468,100
XXIX	MÁNG CÁP 600X150							
1	Máng cáp	600	150	Mét	1,058,800	1,253,500	1,545,800	2,033,100
2	Nắp máng cáp	600	150	Mét	695,300	823,100	1,014,900	1,334,700
3	Ngã ba T máng cáp	600	150	Cái	1,588,100	1,880,300	2,318,700	3,049,600
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	150	Cái	1,042,900	1,234,600	1,522,300	2,002,000
5	Chữ thập X máng cáp	600	150	Cái	1,905,700	2,256,300	2,782,400	3,659,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	150	Cái	1,042,900	1,234,600	1,522,300	2,002,000

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	150	Cái	1,482,200	1,754,900	2,164,100	2,846,300
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	150	Cái	764,800	905,400	1,116,400	1,468,100
XXX	MÁNG CÁP 600X200							
1	Máng cáp	600	200	Mét	1,172,600	1,388,300	1,712,000	2,251,700
2	Nắp máng cáp	600	200	Mét	695,300	823,100	1,014,900	1,334,700
3	Ngã ba T máng cáp	600	200	Cái	1,758,900	2,082,500	2,568,000	3,377,500
4	Nắp ngã ba T máng cáp	600	200	Cái	1,042,900	1,234,600	1,522,300	2,002,000
5	Chữ thập X máng cáp	600	200	Cái	2,110,600	2,498,900	3,081,600	4,053,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	600	200	Cái	1,042,900	1,234,600	1,522,300	2,002,000
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	600	200	Cái	1,641,600	1,943,600	2,396,800	3,152,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	600	200	Cái	764,800	905,400	1,116,400	1,468,100
XXXI	MÁNG CÁP 800X100							
1	Máng cáp	800	100	Mét	1,172,600	1,388,300	1,712,000	2,251,700
2	Nắp máng cáp	800	100	Mét	918,800	1,087,700	1,341,200	1,763,800
3	Ngã ba T máng cáp	800	100	Cái	1,758,900	2,082,500	2,568,000	3,377,500
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	100	Cái	1,378,100	1,631,500	2,011,700	2,645,600
5	Chữ thập X máng cáp	800	100	Cái	2,110,600	2,498,900	3,081,600	4,053,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	100	Cái	1,378,100	1,631,500	2,011,700	2,645,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	100	Cái	1,641,600	1,943,600	2,396,800	3,152,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	100	Cái	1,010,600	1,196,500	1,475,300	1,940,100
XXXII	MÁNG CÁP 800X150							
1	Máng cáp	800	150	Mét	1,286,400	1,523,100	1,878,200	2,470,300
2	Nắp máng cáp	800	150	Mét	918,800	1,087,700	1,341,200	1,763,800
3	Ngã ba T máng cáp	800	150	Cái	1,929,600	2,284,600	2,817,300	3,705,400
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	150	Cái	1,378,100	1,631,500	2,011,700	2,645,600
5	Chữ thập X máng cáp	800	150	Cái	2,315,500	2,741,600	3,380,800	4,446,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	150	Cái	1,378,100	1,631,500	2,011,700	2,645,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	150	Cái	1,801,000	2,132,300	2,629,500	3,458,400
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	150	Cái	1,010,600	1,196,500	1,475,300	1,940,100
XXXIII	MÁNG CÁP 800X200							
1	Máng cáp	800	200	Mét	1,400,300	1,657,900	2,044,500	2,688,900
2	Nắp máng cáp	800	200	Mét	918,800	1,087,700	1,341,200	1,763,800
3	Ngã ba T máng cáp	800	200	Cái	2,100,400	2,486,800	3,066,700	4,033,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	800	200	Cái	1,378,100	1,631,500	2,011,700	2,645,600
5	Chữ thập X máng cáp	800	200	Cái	2,520,400	2,984,200	3,680,000	4,840,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	800	200	Cái	1,378,100	1,631,500	2,011,700	2,645,600
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	800	200	Cái	1,960,400	2,321,000	2,862,200	3,764,500

STT	TÊN SẢN PHẨM	CHIỀU RỘNG	CHIỀU CAO	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (VNĐ) (theo độ dày Inox)			
	MÁNG CÁP							
	ĐỘ DÀI TIÊU CHUẨN 2500, 3000MM				1.0mm	1.2mm	1.5mm	2.0mm
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	800	200	Cái	1,010,600	1,196,500	1,475,300	1,940,100
XXXIV	MÁNG CÁP 1000X100							
1	Máng cáp	1000	100	Mét	1,400,300	1,657,900	2,044,500	2,688,900
2	Nắp máng cáp	1000	100	Mét	1,142,200	1,352,300	1,667,400	2,192,900
3	Ngã ba T máng cáp	1000	100	Cái	2,100,400	2,486,800	3,066,700	4,033,300
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	100	Cái	1,713,300	2,028,400	2,501,100	3,289,300
5	Chữ thập X máng cáp	1000	100	Cái	2,520,400	2,984,200	3,680,000	4,840,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	100	Cái	1,713,300	2,028,400	2,501,100	3,289,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	100	Cái	1,960,400	2,321,000	2,862,200	3,764,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	100	Cái	1,256,500	1,487,500	1,834,200	2,412,200
XXXV	MÁNG CÁP 1000X150							
1	Máng cáp	1000	150	Mét	1,514,100	1,792,700	2,210,700	2,907,500
2	Nắp máng cáp	1000	150	Mét	1,142,200	1,352,300	1,667,400	2,192,900
3	Ngã ba T máng cáp	1000	150	Cái	2,271,100	2,689,000	3,316,000	4,361,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	150	Cái	1,713,300	2,028,400	2,501,100	3,289,300
5	Chữ thập X máng cáp	1000	150	Cái	2,725,400	3,226,800	3,979,200	5,233,500
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	150	Cái	1,713,300	2,028,400	2,501,100	3,289,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	150	Cái	2,119,700	2,509,700	3,094,900	4,070,500
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	150	Cái	1,256,500	1,487,500	1,834,200	2,412,200
XXXVI	MÁNG CÁP 1000X200							
1	Máng cáp	1000	200	Mét	1,628,000	1,927,500	2,376,900	3,126,100
2	Nắp máng cáp	1000	200	Mét	1,142,200	1,352,300	1,667,400	2,192,900
3	Ngã ba T máng cáp	1000	200	Cái	2,441,900	2,891,200	3,565,300	4,689,200
4	Nắp ngã ba T máng cáp	1000	200	Cái	1,713,300	2,028,400	2,501,100	3,289,300
5	Chữ thập X máng cáp	1000	200	Cái	2,930,300	3,469,400	4,278,300	5,627,000
6	Nắp chữ thập X máng cáp	1000	200	Cái	1,713,300	2,028,400	2,501,100	3,289,300
7	Co ngang L máng cáp; Co lên máng cáp; Co xuống máng cáp.	1000	200	Cái	2,279,100	2,698,400	3,327,600	4,376,600
8	Nắp co ngang L máng cáp; Nắp co lên máng cáp; Nắp co xuống máng cáp.	1000	200	Cái	1,256,500	1,487,500	1,834,200	2,412,200

- 2, Thời gian giao hàng: - 3-5 ngày kể từ ngày xác nhận đặt hàng và tạm ứng
3, Địa điểm giao hàng: - tại kho bên bán
4, Hình thức thanh toán: - Tiền mặt hoặc chuyển khoản

+ Chủ TK: Công ty cổ phần 2DE Việt Nam
+ STK: 03366013633888 tại ngân hàng Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi Nhánh Cầu Giấy - Hà Nội

5, Điều khoản thanh toán: - Tạm ứng 50%, 50% còn lại thanh toán trước khi giao hàng
6, Thời gian bảo hành: - 12 tháng từ ngày bàn giao. Sản phẩm được bảo hành do lỗi nhà sản xuất
- Rất hân hạnh được hợp tác với Quý Khách Hàng!